

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Thanh Trí
- Ông Nguyễn Thanh Tùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C:** Bà Võ Thị Nhu- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023; về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Bé T**; sinh năm 1991. Địa chỉ: 626 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần T. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc Tr**; sinh năm: 1990. Địa chỉ: 626 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bé T cho rằng:

Bà và ông Nguyễn Ngọc Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009, đến ngày 18/10/2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại căn nhà của cha mẹ chồng cho tại số 626 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần T; bà làm nghề thợ may, còn ông Tr làm thợ hồ. Vợ chồng

sống hạnh phúc được khoảng 05-06 năm thì xảy ra mâu thuẫn do ông Tr không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu, đá gà, không lo cho vợ con. Bà có khuyên can nhiều lần nhưng không được nên tuy vợ chồng còn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ cuối năm 2022 đến nay.

Nay bà nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu ly hôn để về nhà cha mẹ của bà ở An Giang sinh sống và ổn định cuộc sống các bên sau này.

Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc C (nữ); sinh ngày 24/8/2010. Bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Tr cho rằng: thừa nhận quan hệ hôn nhân và thời điểm kết hôn như vợ ông trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên không hòa hợp được. Nay ông còn thương vợ con nhưng vợ ông đã dẫn con về quê mẹ ở An Giang sinh sống và kiên quyết ly hôn với ông nên ông nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa; vì vậy, ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc C (nữ); sinh ngày 24/8/2010. Ông đồng ý giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy: bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ly hôn, còn ông Ngọc Tr cho rằng hiện tại bà Bé T đã dẫn con về quê ngoại sinh sống và kiên quyết ly hôn với ông nên vợ chồng không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân; vì vậy, ông cũng đồng ý ly hôn; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Tr.

+ Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc C (nữ); sinh ngày 24/8/2010. Bà T yêu cầu nuôi con, còn ông Tr cũng đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Tr theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Về nợ: bà T và ông Tr cho rằng không có nên không giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Bé T và ông Nguyễn Ngọc Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống đã có con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, giữa hai bên có sự bất đồng quan điểm nên không còn quan tâm, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, cả hai vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay bà Bé T yêu cầu ly hôn, còn ông Tr cho rằng còn thương vợ con nhưng bà T kiên quyết ly hôn, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ lại nên ông cũng đồng ý ly hôn; vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Tr.

[3] Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc C (nữ); sinh ngày 24/8/2010.

Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Ngọc C có nguyện vọng sống chung với mẹ; đồng thời, bà T có yêu cầu nuôi con và ông Tr cũng đồng ý nên cần giao con cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Tr theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Về nợ: các bên cho rằng không có nên không giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bé T.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** cho bà Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Tr.

2. **Về con chung:** có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc C (nữ); sinh ngày 24/8/2010.

Giao con cho bà Nguyễn Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Nguyễn Ngọc Tr theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nợ:** Không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000đ án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0003136 ngày 10/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần T. Bà Nguyễn Thị Bé T đã nộp xong án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với bị đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với nguyên đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. C;
- UBND xã Hòa An, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp;
- Chi cục T.H.A Q. C;
- TAND Tp. Cần T;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

